

NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA TĂNG GIÁ VẬT TƯ, VẬT LIỆU, ĐIỆN VÀ SỰ TĂNG TIỀN LƯƠNG ĐẾN MỨC THU THỦY LỢI THỰC TẾ - KIẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH TRONG QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

TS. Đặng Ngọc Hạnh

Phó Viện trưởng, Viện Kinh tế và Quản lý thủy lợi

Tóm tắt: Mức thu thủy lợi phí được quy định bằng tiền và cố định trong một giai đoạn nhất định mà không đề cập nhật đến yếu tố biến động giá nhân công, điện, vật liệu... làm cho nguồn thu không đủ bù đắp chi phí đã ảnh hưởng đến hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi. Qua nghiên cứu sự tăng giá của một số yếu tố kể trên tại một số đơn vị khai thác công trình thủy lợi điển hình cho thấy giá trị thực tế của TLP đã bị giảm đi khá lớn, cụ thể: giai đoạn thực hiện nghị định 143/2003/NĐ-CP giá trị thực tế của TLP qua các năm 2004, 2005, 2006 và 2007 giảm đi tương ứng là 1,12%; 10,96%; 27,31%; và 30,41% so với năm 2003; tương tự như vậy, giai đoạn thực hiện nghị định 115/2007/NĐ-CP, giá trị thực tế của TLP các năm 2010, 2011 và 2012 đã giảm đi tương ứng là 10,57%; 26,01%; và 43,03% so với năm 2009.

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả kiến nghị một số giải pháp và chính sách phù hợp cần được nghiên cứu đề xuất để khắc phục yếu tố biến động của trượt giá đến quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Summary: Irrigation service fee (ISF) has been allocated in Vietnam Dong and has not concerning to the variation of market labour, electrical energy and material costs... In general, it made financial imbalance of an irrigation and drainage company. The changing of mentioned costs in irrigation and drainage companies shows that, the Irrigation service fee is depreciated in several years of implementation of Decree N^o 143/2003/NĐ-CP, the "real ISF" at 2004, 2005, 2006 and 2007 decreased about 1,12%; 10,96%; 27,31%; and 30,41% in comparing with ISF value in 2003; similarly during the years of implementation of Decree N^o 115/2007/NĐ-CP, the "real ISF" at 2010, 2011 and 2012 decreased about 10,57%; 26,01%; and 43,03% in comparing with ISF value in year 2009. From this research above, the author has recommendations that some of appropriate policies and measures to overcome the price fluctuation impacting management activities of irrigation and drainage companies.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chính sách về mức thu thủy lợi phí (TLP) thường chậm sửa đổi, bổ sung so với yêu cầu thực tế. Nghị định 112 năm 1984 về mức thu TLP phí, sau 20 năm (đến 2003) mới được điều chỉnh bằng nghị định 143/2003/NĐ-CP, và sau 05 năm (đến 2008) mới lại được điều chỉnh bằng nghị định 115. Trong khoảng thời gian đó, các yếu tố giá cả đầu vào phục vụ sản xuất

có sự biến động lớn như: tiền lương, nguyên nhiên vật liệu, năng lượng... nhưng mức thu không được điều chỉnh, vì vậy giá trị thực tế của TLP đã giảm dần, các đơn vị rất khó khăn trong hoạt động, nhất là các năm có biến động giá lớn. Khi nguồn thu cố định mà các khoản chi tăng lên, các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi (CTTL) luôn ưu tiên chi trả lương, tiền điện... trước, phần còn lại mới dành cho sửa chữa công trình. Điển hình giai đoạn năm 2003-2007, một số đơn vị thu không đủ chi trả lương cho công nhân như ở Ninh Bình, Bắc Giang... nên không có nguồn để sửa chữa công trình và đây là nguyên nhân dẫn đến sự

Người phân biên: **TS. Trần Văn Đạt**

Ngày nhận bài: 12/11/2014

Ngày thông qua phân biên: 01/12/2014

Ngày duyệt đăng: 17/12/2014.

xuống cấp của các CTTL mà cho đến nay vẫn chưa có giải pháp sửa đổi cho phù hợp.

Do vậy, tác động của trượt giá đến công tác quản lý khai thác CTTL sẽ được nghiên cứu định lượng bằng xác định giá trị TLP thực tế so với mức thu TLP khởi điểm để thấy rõ các mức độ tác động làm cơ sở kiến nghị giải pháp chính sách về vấn đề này.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Điều tra, thống kê, khảo sát thực địa tại một số công ty quản lý khai thác CTTL điển hình, phỏng vấn các nhà quản lý ở các cơ quan, ban ngành ở địa phương nhằm thu thập chuỗi số liệu chi phí, định mức chi trong quản lý khai thác CTTL. Từ cơ sở này sẽ phân tích cơ cấu các khoản chi so với nguồn thu TLP quy định của nhà nước theo nghị định (NĐ) 143 và NĐ 115.

- Điều tra, thu thập thông tin giá cả (2 giai đoạn theo NĐ 143 từ 2003-2007 và NĐ 115 từ 2009-2012) các loại vật tư, thiết bị và vật liệu chính sử dụng trong quản lý khai thác CTTL. Xử lý thống kê, đánh giá mức tăng giá các loại vật liệu, điện, nhân công so với thời điểm 2003 và 2009 là năm đầu thực hiện NĐ 143 và NĐ 115.

- Phân tích định mức các khoản chi phí trong quản lý khai thác CTTL; điều tra, đánh giá theo phương pháp phỏng vấn, chuyên gia; và phân tích nội suy, tham khảo định mức dự toán một số dự án xây dựng sửa chữa CTTL để xác định tỷ trọng vật liệu, nhân công máy thi công và chi phí xây dựng cơ bản khác trong chi phí sửa chữa công trình.

- Phạm vi nghiên cứu là 6 công ty đại diện gồm: 1 Công ty điển hình Nam trung bộ tưới tiêu động lực kết hợp trọng lực (Quảng Nam); 1 công ty điển hình Bắc trung bộ tưới tiêu trọng lực (Kê Gỗ, Hà Tĩnh); 1 công ty điển hình Bắc trung bộ tưới tiêu động lực (Nam sông Mã - Thanh Hóa); và 3 công ty vùng Đồng bằng Bắc Bộ tưới tiêu động lực (Sông Nhuệ, Sông Đáy và Sông Tích thuộc Hà Tây cũ).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Xác định các khoản chi so với mức thu TLP quy định tại NĐ 143 và NĐ 115

Bảng thống kê các kết quả thực hiện trong quản lý khai thác CTTL nhiều năm của 6 công ty [1], xác định được cơ cấu các khoản chi như bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Cơ cấu các khoản chi chính trong quản lý khai thác CTTL (% so với mức thu TLP)

	Các khoản chi chính	Giai đoạn thực hiện NĐ 143	Giai đoạn thực hiện NĐ 115
1	Chi nhân công tưới tiêu	45,12%	49,44%
2	Chi phí điện năng	23,98%	22,24%
3	Nguyên nhiên liệu	0,95%	1,26%
4	Chi sửa chữa công trình	10,53%	22,35%
5	Chi Quản lý doanh nghiệp	6,76%	6,88%
6	Chi khác	15,36%	9,89%

Ba khoản chi lớn gồm nhân công tưới tiêu, điện năng và sửa chữa thường xuyên công trình chiếm 79,63% giai đoạn thực hiện NĐ 143 và 94,03% giai đoạn thực hiện NĐ 115.

Do vậy sẽ phân tích chi tiết các khoản chi này để đánh giá tác động của trượt giá và tăng giá nhân công đến mức thu thủy lợi phí theo thời gian so với chính sách quy định mức thủy lợi

phí của Nhà nước.

Khoản chi sửa chữa thường xuyên công trình nêu trong bảng 1 thực hiện theo chế độ xây dựng cơ bản ngoài nhân công hoạt động công ích tưới, tiêu nên cần phân tích xác định chi tiết thành phần chi cho nhân công, vật liệu, máy thi công và chi khác. Từ đó mới có thể xác định được toàn bộ chi phí nhân công, chi phí vật liệu, chi phí máy thi công trong tổng mức thu TLP.

3.2. Xác định tỷ trọng vật liệu, nhân công, máy thi công và chi phí xây dựng cơ bản khác trong chi phí sửa chữa công trình

- Trong nghiên cứu đã phân tích định mức chi tiết sửa chữa thường xuyên 3 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác thủy lợi sông Nhuệ; sông Đáy và sông Tích thuộc thành phố Hà nội [2]. Từ số liệu này đã phân tích các thành phần chi phí vật liệu, nhân công,

máy thi công và chi sửa chữa khác trong khoản chi phí sửa chữa thường xuyên công trình. Kết quả lấy trung bình của 3 Công ty thể hiện trong bảng 2.

- Điều tra, khảo sát một số cán bộ có kinh nghiệm trong quản lý khai thác CTTL ở một số địa phương. Kết quả được tổng hợp như bảng 2.

- Phân tích, bóc tách khối lượng sửa chữa của 10 công trình thuộc nguồn kinh phí từ TLP của công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên khai thác thủy lợi Kẻ Gỗ [3]. Áp giá xây dựng cơ bản và chính sách hiện hành, kết quả được tổng hợp trong bảng 2.

- Lấy bình quân theo số liệu xây dựng định mức và phân tích điển hình để xác định tỷ trọng trung bình các khoản chi (số liệu từ điều tra, phong vấn chỉ sử dụng để tham khảo), kết quả trong bảng 2.

Bảng 2: Kết quả phân tích tỷ trọng các khoản chi (% so với chi phí sửa chữa công trình) [1]

	Chi phí	Phân tích định mức	Điều tra, phong vấn	Phân tích điển hình	Tỷ trọng trung bình
1	Chi phí vật liệu	26,07%	30-40%	41,15%	33,61%
2	Chi phí nhân công	46,42%	40-50%	41,44%	43,93%
3	Chi phí máy thi công	22,61%	10-20%	13,21%	17,91%
4	Chi phí sửa chữa khác	4,91%	<10%	4,20%	4,55%

3.3. Phân tích quá trình tăng giá nhân công, điện và vật liệu trong quản lý khai thác CTTL

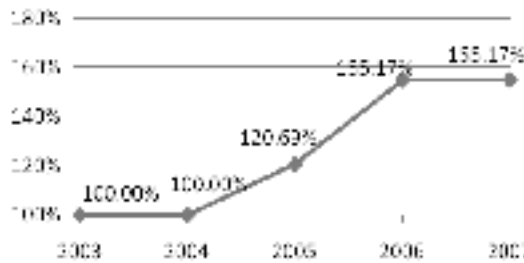
Quá trình tăng giá nhân công tốt nhất lấy bằng chỉ số mức lương cơ bản theo chính sách của nhà nước. Tỷ lệ tăng đơn giá nhân công bằng mức lương cơ bản tại các năm chia cho mức lương cơ bản tại lúc bắt đầu thực hiện NĐ 143 năm 2003 và NĐ 115 năm 2009 (biểu đồ 1 và 2).

Quá trình tăng giá điện: Tỷ lệ tăng giá điện bằng giá điện bình quân các năm chia cho giá

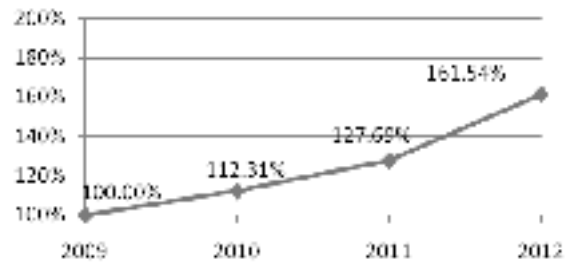
điện tại thời điểm thực hiện NĐ 143 năm 2003 và NĐ 115 năm 2009 (biểu đồ 3 và 4).

Quá trình tăng giá vật liệu chung gồm: xi măng; cát vàng; đá 1x2; đá hộc; gạch đặc đỏ; sắt thép $\Phi 6$ - $\Phi 8$ của 4 tỉnh (Hà Nội, Thanh Hoá, Hòa Bình và Phú Thọ) đại diện cho các vùng từ Trung bộ trở ra. Tỷ lệ tăng giá vật liệu bằng trung bình tỷ lệ giá vật liệu tại các năm chia cho giá vật liệu tại lúc bắt đầu thực hiện NĐ 143 năm 2003 và NĐ 115 năm 2009 (biểu đồ 5 và 6).

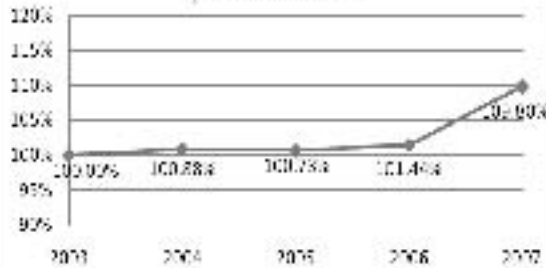
Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng đơn giá nhân công so với năm 2003 (giai đoạn thực hiện nghị định 143)



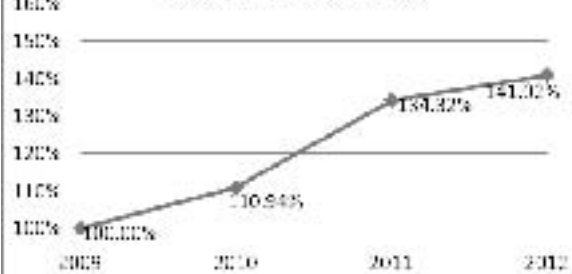
Biểu đồ 2: Tỷ lệ tăng đơn giá nhân công so với năm 2009 (giai đoạn thực hiện nghị định 115)



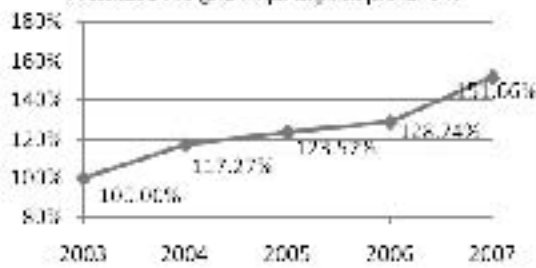
Biểu đồ 3: Tỷ lệ tăng giá điện giai đoạn thực hiện nghị định 143 từ 2003-2007



Biểu đồ 4: Tỷ lệ tăng giá điện giai đoạn thực hiện nghị định 115 từ 2009-2012



Biểu đồ 5: Tỷ lệ tăng giá vật liệu chung so với năm 2003 giai đoạn thực hiện ND 143



Biểu đồ 6: Tỷ lệ tăng giá vật liệu chung so với năm 2008 giai đoạn thực hiện ND 115 từ 2008-2012



3.4. Đánh giá ảnh hưởng của biến động giá và chính sách tiền lương đến mức thu TLP

Nguyên tắc đánh giá sẽ bằng mức thu theo quy

định tại ND 143 và ND 115 trừ đi phần phải chi trả tăng lên do tăng giá nhân công, điện và vật liệu, công thức tính toán như sau:

% Giá trị TLP

$$\text{thực tế so với năm thực hiện ND} = 1 + \left[\frac{(1 - \text{tỷ lệ giá khoản [i] so với năm đầu thực hiện}) \times \text{chi phí khoản [i]}}{\text{mức thu TLP bình quân theo nghị định}} \right] \times 100$$

Trong đó:

- % giá trị TLP thực tế so với năm thực hiện ND là tỷ lệ % giá trị TLP thực tế tại thời điểm đánh giá so với năm 2003 và 2009 (bắt đầu thực hiện ND 143 và ND 115),

- tỷ lệ giá khoản [i] so với năm đầu thực hiện là tỷ lệ % đơn giá của khoản chi so với đơn giá tại thời điểm bắt đầu thực hiện nghị định. Đối với chi phí nhân công và chi phí tiền điện lấy giá trị min trong bảng 3, đối với chi phí sửa

chữa công trình lấy giá trị max bảng 3,

- chi phí khoản i là chi phí tính bằng đồng/ha tưới tiêu, bằng tỷ trọng khoản chi i tính bằng % so với mức thu TLP bình quân theo nghị định (đối với nhân công và điện lấy giá trị tỷ trọng là cận dưới, đối với vật liệu lấy giá trị tỷ trọng là cận trên trong bảng 3) nhân với mức

thu TLP bình quân theo nghị định.

- mức thu TLP bình quân theo nghị định (đ/ha tưới tiêu) bằng trung bình mức thu của 6 công ty nghiên cứu điển hình.

Từ bảng 1 và bảng 2, kết hợp với nghiên cứu phân tích chuyên gia [1], bước đầu xác định các thành phần chi phí trong mức thu TLP như bảng 3.

Bảng 3: Kết quả xác định tỷ trọng khoản chi điện, vật liệu và toàn bộ chi nhân công so với mức thu TLP theo nghị định 143 và 115

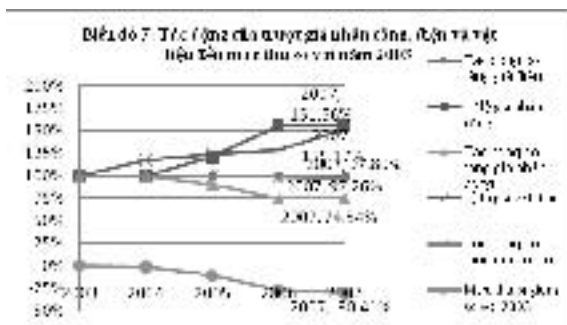
TT	Khoản chi	theo TLP bình quân NĐ 143			theo TLP bình quân NĐ 115		
		Min	TB	Max	Min	TB	Max
1	Điện năng	22,48%	23,98%	25,48%	18,25%	22,24%	28,41%
2	Nhân công tưới tiêu	40,49%	45,12%	57,74%	46,75%	49,44%	53,50%
3	SCTX, trong đó:	8,11%	10,53%	12,22%	15,79%	22,35%	27,44%
3.1	- Vật liệu	3,52%	4,58%	5,31%	5,31%	6,42%	9,22%
3.2	- Nhân công	3,75%	4,87%	5,66%	6,94%	13,62%	12,05%
3.3	- Máy thi công	0,66%	0,86%	1,00%	2,83%	0,97%	4,91%
3.4	- Chi khác	0,17%	0,22%	0,26%	0,72%	1,35%	1,25%
4	Tổng chi nhân công	44,24%	49,99%	63,40%	53,69%	63,06%	65,56%

Kết quả đánh giá tác động của trượt giá và thực hiện NĐ 143 tại bảng 4 và biểu đồ 7 được chính sách tiền lương đến mức thu giai đoạn đánh giá như sau:

Bảng 4: Tác động của trượt giá đến mức thu theo quy định tại Nghị định 143

Năm	Tác động của tăng giá điện		Tác động của tăng tiền lương		Tác động của tăng giá vật liệu		% giá trị TLP bị giảm so với năm 2003
	giá điện % so với năm 2003	% giá trị TLP thực tế so với NĐ 143	tiền lương % so với năm 2003	% giá trị TLP thực tế so với NĐ 143	giá vật liệu % so với năm 2003	% giá trị TLP thực tế so với NĐ 143	
2003	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	0,00%
2004	100,88%	99,80%	100,00%	100,00%	117,27%	99,08%	-1,12%
2005	100,73%	99,84%	120,69%	90,45%	123,52%	98,75%	-10,96%
2006	101,44%	99,68%	155,17%	74,54%	128,74%	98,47%	-27,31%
2007	109,80%	97,80%	155,17%	74,54%	151,66%	97,26%	-30,41%

- Do giá điện tăng 0,88; 0,73; 1,44; và 9,8% lần lượt vào các năm 2004, 2005, 2006 và 2007 thì giá trị TLP thực tế tại các năm lần lượt bị giảm là 0,20; 0,16; 0,32; và 2,20% so với mức thu khi bắt đầu thực hiện NĐ 143.



- Do tăng lương năm 2004, 2005, 2006, và 2007 so với năm 2003 lần lượt là 0,00; 20,69; 55,17; và 55,17%; thì giá trị TLP thực tế tại các năm

lần lượt bị giảm là 0,00; 9,55; 25,46; và 25,46% so với mức thu khi bắt đầu thực hiện NĐ 143.

- Do tăng giá vật liệu năm 2004, 2005, 2006, và 2007 so với năm 2003 lần lượt là 17,27; 23,52; 28,74; và 51,66% thì giá trị TLP thực tế tại các năm lần lượt bị giảm là 0,92; 1,25; 1,53; và 2,74% so với mức thu khi bắt đầu thực hiện NĐ 143.

- Tổng tác động của tăng giá nhân công, điện, vật liệu làm giá trị TLP các năm 2004; 2005; 2006 và 2007 giảm lần lượt là 1,12%; 10,96%; 27,31%; và 30,41% so với năm 2003.

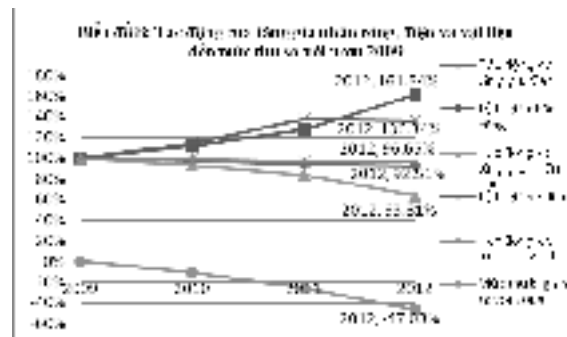
Kết quả đánh giá tác động của trượt giá và chính sách tiền lương đến mức thu giai đoạn thực hiện NĐ 115 tại bảng 5 và biểu đồ 8 được đánh giá như sau:

Bảng 5: Tác động của trượt giá đến mức thu theo quy định tại Nghị định 115

Năm	Tác động của tăng giá điện		Tác động của tăng tiền lương		Tác động của tăng giá vật liệu		% giá trị TLP bị giảm so với năm 2009
	giá điện % so với năm 2009	% giá trị TLP thực tế so với NĐ 115	tiền lương % so với năm 2009	% giá trị TLP thực tế so với NĐ 115	giá vật liệu % so với năm 2009	% giá trị TLP thực tế so với NĐ 115	
2009	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	0,00%
2010	110,94%	98,00%	112,31%	92,76%	114,51%	98,66%	-10,57%
2011	134,32%	93,74%	127,69%	83,71%	137,52%	96,54%	-26,01%
2012	141,02%	92,51%	161,54%	63,81%	136,34%	96,65%	-47,03%

- Do tăng giá điện năm 2010, 2011 và 2012 so với năm 2009 lần lượt là 10,94; 34,32; và 41,02% thì giá trị TLP thực tế tại các năm lần lượt bị giảm là 2,00; 6,26 và 7,49% so với mức thu khi bắt đầu thực hiện NĐ 115.

- Do tăng lương năm 2010, 2011 và 2012 so với năm 2009 lần lượt là 12,31; 27,69; và 61,54%; thì giá trị TLP thực tế tại các năm lần lượt bị giảm là 7,24; 16,29 và 36,19% so với mức thu khi bắt đầu thực hiện NĐ 115.



- Do tăng giá vật liệu năm 2010, 2011 và 2012 so với năm 2009 lần lượt là 14,51; 37,52 và

36,34% thì giá trị TLP thực tế tại các năm lần lượt bị giảm là 1,34; 3,46; và 3,35% so với mức thu khi bắt đầu thực hiện NĐ 115.

- Tổng tác động của tăng giá nhân công điện, vật liệu làm mức thu các năm 2010; 2011 và 2012 giảm lần lượt là 10,57%; 26,01%; và 47,03% so với năm 2009.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Tăng tiền lương và tăng giá điện năng có tác động rất lớn nhất đến mức thu TLP. Giai đoạn thực hiện NĐ 143, sự tăng giá của hai khoản chi này làm giảm giá trị thực tế của TLP tại các năm 2004, 2005, 2006, 2007 lần lượt là 0,20; 9,71; 25,78; và 27,66% so với năm 2003; tương tự như vậy, giai đoạn thực hiện 115 tăng lương và tăng giá điện làm giá trị TLP thực tế tại các năm 2010, 2011 và 2012 giảm lần lượt là 9,24; 22,55; và 43,68% so với lúc bắt đầu thực hiện NĐ năm 2009.

Tăng giá vật liệu ít tác động tới giá trị TLP. Bình quân trong 5 năm thực hiện các nghị định 143 và 115 tăng giá vật liệu chỉ làm giảm mức giá trị thực tế của TLP khoảng 0,5%/năm, vì tỷ trọng vật liệu chiếm tỷ lệ thấp trong cấu thành chi phí.

Do vậy, cần phải thay đổi khái niệm **mức thu TLP** thành **đơn giá dịch vụ tưới tiêu**, đồng thời nghiên cứu xác định tỷ trọng các khoản chi phí cấu thành đơn giá dịch vụ tưới tiêu. Trên cơ sở đó xác định hệ số điều chỉnh giá nhân công, điện, dầu và các yếu tố khác. Khi có biến động giá, chỉ cần áp dụng hệ số điều chỉnh giá. Nếu không làm rõ vấn đề này thì ngay nghị định mới về điều chỉnh mức thu TLP số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ thay thế NĐ số 115/2007/NĐ-CP cũng sẽ nhanh chóng bị lạc hậu. Thậm chí mức thu theo NĐ 67 cũng đã bị lạc hậu ngay khi bắt đầu thực hiện năm 2013 bởi vì theo nghiên cứu ở đây, giá trị TLP thực tế năm 2012 giảm tới 47,03% so với năm 2009 trong khi mức thu theo NĐ 67 chỉ tăng hơn

khoảng 20% so với nghị định 115 và giữ nguyên đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hơn nữa giá điện đầu năm 2013 cũng đã tăng thêm 5% so với mức giá năm 2012 (là số liệu sử dụng cho nghiên cứu này). Mặt khác, nếu các địa phương cho phép áp dụng mức lương tối thiểu vùng đối với công ty khai thác công trình thủy lợi thì chi phí nhân công còn cao hơn nhiều (ví dụ nghị định 182/2013/NĐ-CP áp dụng cho năm 2014 thì chi phí nhân công một số công ty sẽ tăng khoảng 4,71 đến 10,06% tổng doanh thu từ TLP theo NĐ 67), điều đó sẽ làm giá trị TLP thực tế bị giảm lớn hơn đáng kể so với kết quả nghiên cứu tại bài viết này.

Mức thu theo NĐ 143 cũng như NĐ 115 vẫn chưa kết luận được rằng đủ để chi phí cho quản lý khai thác bền vững CTTL hay chưa. Do vậy, về lâu dài tác giả kiến nghị hai giải pháp cơ bản về nghiên cứu chính sách trong quản lý khai thác CTTL như sau:

- Xây dựng các chính sách để thực hiện đầu thầu rộng rãi trong dịch vụ quản lý khai thác CTTL;

- Nghiên cứu chi tiết đầy đủ định mức các khoản chi trong đơn giá thu thủy lợi phí, trong đó định lượng các khoản chi trong đơn giá thu TLP gồm nhân công điện và vật liệu chung làm cơ sở điều chỉnh khi có biến động của giá đầu vào trên thị trường nhằm ổn định nguồn lực xã hội cho công tác quản lý khai thác bền vững các hệ thống thủy lợi trên cả nước.

Các chỉ số đánh giá trong nghiên cứu là có ý nghĩa rất lớn trong chính sách điều chỉnh mức thu thủy lợi phí. Khi mức thu đảm bảo cập nhật sự tăng giá điện và chính sách tiền lương mới đảm bảo kinh phí ổn định cho công tác quản lý khai thác các hệ thống thủy lợi và kinh phí cho sửa chữa chống xuống cấp công trình. Từ kết quả nghiên cứu này, kiến nghị Bộ NN&PTNT tiếp tục giao cho đơn vị có chức năng tư vấn kinh tế chính sách thủy lợi nghiên cứu, thống kê và phân tích chi tiết hơn cho

tùng vùng, miền và xây dựng cơ sở dữ liệu về chính sách về thủy lợi phí trên phạm vi đơn giá dịch vụ tưới tiêu để làm căn cứ điều chỉnh chính sách về thủy lợi phí trên phạm vi cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Viện Kinh tế và Quản lý thủy lợi, 2012 - Báo cáo nghiên cứu xác định ảnh hưởng của biến động giá cả và chính sách tiền lương đến sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng chống xuống cấp các hệ thống công trình thủy lợi.
- [2] Viện Kinh tế và quản lý Thủy lợi, 2010 - Nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi cho các Công ty Thủy lợi Sông Nhuệ, sông Đáy và sông Tích quản lý, thuộc thành phố Hà Nội.
- [3] Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên khai thác thủy lợi Kẻ Gỗ - Số liệu thực hiện và kế hoạch sản xuất từ năm 2007 đến năm 2011.